TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2019/DS-ST
Ngày: 06/8/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Vũ
2. Bà Hà Thị Lệ Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2019/TLST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Tấn H, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Ấp CNA, xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Ấp CNA, xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. (theo giấy ủy quyền ngày 26/4/2019). (có mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kiều D, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Ấp ĐVD, xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn B, sinh năm 1971 (chồng Bà D); địa chỉ cư trú: Ấp ĐVD, xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2019 của Ông Tô Tấn H và các lời khai tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Đỗ Thị N trình bày: Vào ngày 28/8/2018 âm lịch Bà D có vay của Ông H số tiền 30.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay là mua nhôm kiếng cho chồng là Ông B gia công bán, khi vay có làm biên nhận hẹn 40 ngày trả đủ số tiền trên. Khi đến hạn trả nợ Bà D

cùng chồng là Ông B không trả và tiếp tục hẹn đến tháng 10/2018 âm lịch sẽ trả đủ 30.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất cho Ông H nhưng Bà D cùng chồng là Ông B vẫn không thực hiện.

Nay Ông H yêu cầu Bà D cùng chồng là Ông B trả số tiền vay là 30.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 19/10/2018 âm lịch cho đến khi xét xử xong vụ kiện.

- Bị đơn Bà Trần Thị Kiều D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Trần Văn B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần mà vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

- Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm có: 01 Giấy biên nhận nợ ngày 28/8/2018 âm lịch; 01 Giấy xác nhận nơi cư trú; 01 Giấy ủy quyền ngày 26/4/2019; Giấy CMND, sổ hộ khẩu (bản sao).

- Bị đơn Bà Trần Thị Kiều D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Trần Văn B đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn không có ý kiến phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập hay ý kiến gì khác. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Đỗ Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn Bà D cùng chồng là Ông B trả số tiền vay 30.000.000đ và lãi suất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền vay 30.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 28/8/2018 âm lịch Ông H có cho Bà D vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày thì không tính lãi suất. Khi đến thời hạn trả nợ, Ông H yêu cầu Bà D trả tiền nhiều lần nhưng Bà D vẫn không thực hiện. Nay Ông H yêu cầu Bà D và chồng là Ông B trả cho Ông H số tiền đã mượn là 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 19/10/2018 âm lịch cho đến khi xét xử xong vụ kiện là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét về lãi suất: Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Bà D hẹn với Ông H đến tháng 19/10/2018 âm lịch trả tiền và trả lãi suất cho Ông H nên hai bên đã thỏa thuận lại việc vay có lãi nhưng không xác định rõ lãi suất là bao nhiêu. Ông H yêu cầu Bà D trả lãi suất theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử xác định thời gian Bà D phải trả lãi suất cho Ông H là từ tháng 19/10/2018 âm lịch, lãi suất Bà D phải trả cho Ông H là 10%/năm bằng 0,83%/tháng. Tiền lãi được tính như sau: 30.000.000đ x 8 tháng (từ ngày 19/10/2018 âm lịch đến ngày 06/7/2019 âm lịch nhằm ngày 06/8/2019 dương lịch tức là ngày xét xử sơ thẩm) x 0,83%/tháng = 1.992.000đ.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30…và Điều 37 của Luật này*". Tại khoản 1 Điều 30 "*Vợ chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*" và 2 Điều 37 "*Nghĩa vụ do vợ chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*". Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của Ông H đòi Ông B (chồng Bà D) liên đới với Bà D trả số nợ gốc và lãi cho Ông H 31.992.000đ là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Trần Thị Kiều D và ông Trần Vân Buội chịu trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí là 31.992.000 đồng x 5% = 1.599.600đ (một triệu năm trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng). Hoàn trả cho Ông Tô Tấn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu số 0000903 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dung điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Tô Tấn H đối với bị đơn bà Trần Thị Kiều D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Trần Văn B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc Bà Trần Thị Kiều D và Ông Trần Văn B chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ông Tô Tấn H số tiền là 31.992.000đ (ba mươi mốt triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Trần Thị Kiều D và ông Trần Vân Buội chịu trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí là 31.992.000 đồng x 5% = 1.599.600đ (một triệu năm trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng). Hoàn trả cho Ông Tô Tấn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu số 0000903 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục THADS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Phan Văn Tịnh